



Công ty Dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY
Kiểm toán . Thuế . Tài chính doanh nghiệp . Đào tạo

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 7557 446
Fax : (84-4) 7557 448
Website: uhyvietnam.com.vn

CÔNG TY THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Tháng 02, năm 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Thủy điện Thác Mơ được thành lập lại theo Quyết định số 17/2005/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 30/03/2005 “Chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Mơ thành Công ty Thủy điện Thác Mơ”. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 44.06.000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/05/2005.

Ngày 01/01/2008, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Theo đó, con dấu và tên gọi tại thời điểm phát hành báo cáo này của Công ty là “Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ”.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy nông, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV;
- Kinh doanh bất động sản./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (thành lập từ 01/01/2008) và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2007 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Tuấn Hải
Ông Ninh Viết Định
Ông Nguyễn Anh Vũ
Ông Bùi Văn Thịnh

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Tuấn Hải

Giám đốc (đến 31/12/2007)
Giám đốc (từ 01/01/2008)
Phó Giám đốc (đến 31/12/2007)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Thủy điện Thác Mơ được thành lập lại theo Quyết định số 17/2005/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 30/03/2005 “Chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Mơ thành Công ty Thủy điện Thác Mơ”. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 44.06.000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/05/2005.

Ngày 01/01/2008, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Theo đó, con dấu và tên gọi tại thời điểm phát hành báo cáo này của Công ty là “Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ”.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy nông, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV;
- Kinh doanh bất động sản./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh điện năng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (thành lập từ 01/01/2008) và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2007 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Tuấn Hải
Ông Ninh Viết Định
Ông Nguyễn Anh Vũ
Ông Bùi Văn Thịnh

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Tuấn Hải

Giám đốc (đến 31/12/2007)
Giám đốc (từ 01/01/2008)
Phó Giám đốc (đến 31/12/2007)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 9 đến trang 21 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY). Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty Thủy điện Thác Mơ năm tiếp theo.

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào ngoài các sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số VII.1 yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,





Lê Tuấn Hải
Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2008



Ngày: 01/6/08



CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Sỹ Thường

Số. 52 /2008/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007
của Công ty Thủy điện Thác Mơ*

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét hồ sơ kiểm toán của các kiểm toán viên tiền nhiệm, theo đó số liệu tại ngày 01/01/2007 là số liệu trên Báo cáo của Công ty.

Các yếu tố phụ thuộc vào Quyết định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính về khoản mục chi phí tiền lương: Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa được duyệt quyết toán tiền lương trong năm 2007 theo đơn giá được giao tại Quyết định số 1130/QĐ-EVN-HĐQT ngày 28/12/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, khoản mục này có thể thay đổi khi có bản phê duyệt quyết toán tiền lương chính thức của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Thủy điện Thác Mơ tại thời điểm 31/12/2007, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.370.648.567	117.311.293.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.056.376.775	43.504.388.974
1. Tiền	111		66.056.376.775	43.504.388.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.284.837.814	65.912.040.625
1. Phải thu khách hàng	131		1.115.367.020	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	80.048.500
3. Phải thu nội bộ	133		146.633.671.653	65.643.992.125
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	535.799.141	188.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	3.985.433.978	4.658.265.456
1. Hàng tồn kho	141		3.985.433.978	4.658.265.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.000.000	3.236.598.911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	3.187.398.911
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		44.000.000	49.200.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.272.823.613.869	1.335.968.118.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.272.823.613.869	1.335.837.137.148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.271.623.612.599	1.335.117.656.614
- Nguyên giá	222		1.962.569.835.627	1.962.517.603.965
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(690.946.223.028)	(627.399.947.351)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	1.200.001.270	719.480.534
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	130.981.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	130.981.435
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.491.194.262.436	1.453.279.412.549

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.377.479.238	10.084.171.452
I. Nợ ngắn hạn	310		22.204.192.503	9.974.577.312
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		3.327.162.070	3.539.106.611
3. Người mua trả tiền trước	313		-	498.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	12.836.785.371	784.499.657
5. Phải trả người lao động	315		4.560.910.463	3.782.907.350
6. Chi phí phải trả	316	V.7	1.200.001.270	719.480.534
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	V.8	279.333.329	650.583.160
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		173.286.735	109.594.140
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		173.286.735	109.594.140
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.468.816.783.198	1.443.195.241.097
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.9	1.468.266.010.568	1.441.086.655.435
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.437.898.216.451	1.437.845.984.789
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		87.946.238	140.177.900
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.638.424.594	678.266.451
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.641.423.285	2.422.226.295
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		550.772.630	2.108.585.662
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		550.772.630	2.108.585.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.491.194.262.436	1.453.279.412.549

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Giám đốc

Buienal



Bùi Thị Kim Na

Lê Tuấn Hải



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Thị Thu Hằng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	157.695.724.970	113.969.061.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		157.695.724.970	113.969.061.776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.965.940.638	102.444.756.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		53.729.784.332	11.524.304.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.259.220.411	360.414.617
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.881.852.504	8.147.265.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.107.152.239	3.737.453.541
11. Thu nhập khác	31		305.286.068	3.500.000
12. Chi phí khác	32		299.130.768	2.950.000
13. Lợi nhuận khác	40		6.155.300	550.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.113.307.539	3.738.003.541
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.511.726.111	1.046.640.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		29.601.581.428	2.691.362.550

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Giám đốc

Bui Thi Kim Na



Bùi Thị Kim Na

Ngày: 28/02/2008

Lê Tuấn Hải



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Thị Thuường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		41.113.307.539	3.738.003.541
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		63.546.275.677	73.339.440.170
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(1.259.220.411)	(360.414.617)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		103.400.362.805	76.717.029.094
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(79.180.198.278)	(29.826.077.384)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		672.831.478	(742.856.159)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		1.551.894.515	(4.235.817.039)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		130.981.435	(130.981.435)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(3.720.113.732)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		82.000.000	2.227.664.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.882.815.832)	(1.586.121.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.775.056.123	38.702.725.667
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định, BĐS đầu tư	21		(1.303.065.238)	(1.107.469.162)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22			
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.259.220.411	360.414.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.844.827)	(747.054.545)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31			1.795.703.785
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.179.223.495)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.179.223.495)	1.795.703.785
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		22.551.987.801	39.751.374.907
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43.504.388.974	3.753.014.067
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	66.056.376.775	43.504.388.974

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Giám đốc

Bùi Thị Kim Na
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
SAO Y
Bùi Thị Kim Na
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
CHÁNH VĂN PHÒNG
Lê Tuấn Hải
Nguyễn Sỹ Thường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Thủy điện Thác Mơ được thành lập lại theo Quyết định số 17/2005/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 30/03/2005 “Chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Mơ thành Công ty Thủy điện Thác Mơ”. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 44.06.000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/05/2005.

Ngày 01/01/2008, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Theo đó, con dấu và tên gọi tại thời điểm phát hành báo cáo này của Công ty là “Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ”.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy nông, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV;
- Kinh doanh bất động sản./.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”, Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ đảm bảo rằng việc tuân thủ chế độ kế toán mới không làm ảnh hưởng trọng yếu đến việc trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Do đặc thù sản xuất điện, Công ty không có chi phí sản xuất kinh doanh điện dở dang cuối năm.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	6-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

Theo Công văn số 4676/CV-EVN-TCKT ngày 04/09/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “Trích khấu hao TSCĐ của các đơn vị khi ra cổ phần”, Cụ thể:

- Khi có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, các đơn vị thực hiện điều chỉnh sổ kế toán và Bảng cân đối kế toán theo quyết định xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên không điều chỉnh lại mức trích khấu hao theo nguyên giá mới. Việc thực hiện trích khấu hao theo nguyên giá mới kể từ thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần;
- Các đơn vị đã trích khấu hao theo nguyên giá mới thì phải điều chỉnh lại phần trích khấu hao tăng thêm do xác định lại vào Báo cáo tài chính quý 3/2007;

Theo đó, Công ty Thủy điện Thác Mơ đã tiến hành điều chỉnh giảm khấu hao tài sản cố định từ 01/10/2006 đến 31/12/2006 vào Báo cáo tài chính năm 2007 với giá trị 17.561.933.939 đồng,

8. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

9. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

10. Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng của Công ty là 28%. Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định Lợi nhuận chịu thuế cũng như Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/09/1998, Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	138.742.167	30.570.314
Tiền gửi ngân hàng	65.917.634.608	43.473.818.660
Cộng	66.056.376.775	43.504.388.974

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hoá	387.799.141	40.000.000
Phải thu khác	148.000.000	148.000.000
Cộng	535.799.141	188.000.000

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.699.924.232	3.676.416.642
Công cụ, dụng cụ	285.509.746	311.284.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	670.564.715
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	3.985.433.978	4.658.265.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	1.240.308.556.436	595.960.110.750	116.854.031.938	9.394.904.841	1.962.517.603.965
- Mua trong năm	-	-	-	52.231.662	52.231.662
Tại ngày cuối năm	1.240.308.556.436	595.960.110.750	116.854.031.938	9.447.136.503	1.962.569.835.627
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	419.384.469.852	169.676.244.645	32.368.044.928	5.971.187.926	627.399.947.351
- Khấu hao trong năm	67.749.079.562	10.049.404.659	2.535.884.430	773.840.965	81.108.209.616
- Giảm khác (*)	2.669.372.907	(18.172.565.373)	(2.025.079.278)	(33.662.195)	(17.561.933.939)
Tại ngày cuối năm	489.802.922.321	161.553.083.931	32.878.850.080	6.711.366.696	690.946.223.028
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	820.924.086.584	426.283.866.105	84.485.987.010	3.423.716.915	1.335.117.656.614
Tại ngày cuối năm	750.505.634.115	434.407.026.819	83.975.181.858	2.735.769.807	1.271.623.612.599

(*): Đây là khoản điều chỉnh khấu hao tài sản cố định từ 01/10/2006 đến 31/12/2006 theo Công văn số 4676/CV-EVN-TCKT ngày 04/09/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “Trích khấu hao Tài sản cố định của các đơn vị khi ra cổ phần”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là số dư các công trình sửa chữa lớn chưa hoàn thành tại thời điểm cuối năm.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số chi phí Sửa chữa lớn dở dang	1.200.001.270	719.480.534
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Sửa chữa nhà xưởng văn phòng	713.283.757	
+ Chống xói lở kênh xả hạ lưu nhà máy	260.377.095	260.377.095
+ Chống xói lở kênh xả hạ lưu tràn		436.788.466

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT	543.099.658	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.420.351.352	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.358.776
Thuế tài nguyên	1.873.334.361	783.140.881
Cộng	12.836.785.371	784.499.657

7. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả sửa chữa lớn	1.200.001.270	719.480.534
Cộng	1.200.001.270	719.480.534

8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	104.112.633	77.131.708
Các khoản phải trả, phải nộp khác	175.220.696	573.451.452
Cộng	279.333.329	650.583.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

9. Vốn chủ sở hữu

9a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	1.297.313.216.451	1.437.845.984.789
Vốn góp của các đối tượng khác	140.585.000.000	-
Cộng	<u>1.437.898.216.451</u>	<u>1.437.845.984.789</u>

9b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.437.845.984.789	348.863.904.037
+ Vốn góp tăng trong năm	52.231.662	1.091.880.731.556
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.898.650.804
+ Vốn góp cuối năm	<u>1.437.898.216.451</u>	<u>1.437.845.984.789</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

9c. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	7	8	11	12
Số dư đầu năm trước	348.863.904.037	165.125.900	409.130.196	-	349.438.160.133
- Tăng vốn trong năm trước	1.091.880.731.556	1.795.703.785			1.093.676.435.341
- Lợi nhuận tăng trong năm trước				2.691.362.550	2.691.362.550
- Phân phối lợi nhuận			269.136.255	(269.136.255)	-
- Giảm vốn trong năm trước	(2.853.109.469)	(1.820.651.785)			(4.673.761.254)
- Giảm khác	(45.541.335)				(45.541.335)
Số dư cuối năm trước	1.437.845.984.789	140.177.900	678.266.451	2.422.226.295	1.441.086.655.435
Số dư đầu năm nay	1.437.845.984.789	140.177.900	678.266.451	2.422.226.295	1.441.086.655.435
- Tăng vốn trong năm	52.231.662				52.231.662
- Lợi nhuận tăng trong năm				29.601.581.428	29.601.581.428
- Giảm vốn trong năm nay		(52.231.662)			(52.231.662)
- Phân phối lợi nhuận (*)			2.960.158.143	(4.203.160.943)	(1.243.002.800)
- Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn				(1.179.223.495)	(1.179.223.495)
Số dư cuối năm nay	1.437.898.216.451	87.946.238	3.638.424.594	26.641.423.285	1.468.266.010.568

(*): Việc phân phối lợi nhuận trong năm 2007 bao gồm: Phân phối lợi nhuận năm 2006 theo thông báo xác nhận số liệu năm 2006 số 375/TB-EVN-TCKT ngày 8/8/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; và tạm trích 10% quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế năm 2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	153.339.729.505	113.605.637.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.355.995.465	363.424.176
Cộng	<u>157.695.724.970</u>	<u>113.969.061.776</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất điện	99.707.446.353	102.106.440.718
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.258.494.285	338.316.230
Cộng	<u>103.965.940.638</u>	<u>102.444.756.948</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.259.220.411	360.414.617
Cộng	<u>1.259.220.411</u>	<u>360.414.617</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện đặc biệt trong năm, các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Hướng dẫn bổ sung giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá

Theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 109/2007/NĐ-CP; Công văn số 768/BTC-TCDN ngày 18/01/2008 hướng dẫn xác định bổ sung giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP. Theo đó “Đối với những doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố giá trị doanh nghiệp (chưa tính giá trị lợi thế về đất và giá trị thương hiệu), phê duyệt phương án cổ phần hóa trước ngày 02/1/2008 và đã tổ chức thực hiện xong quá trình bán đấu giá cổ phần lần đầu thì công bố công khai cho các nhà đầu tư trúng giá việc sẽ điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, vốn nhà nước theo quy định tại Thông tư 146/2007/TT-BTC vào thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp các khoản chênh lệch tăng do xác định bổ sung giá trị doanh nghiệp”.

Chuyển đổi sang Công ty Cổ phần

Tại ngày 01/01/2008, Công ty Thủy điện Thác Mơ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 44.03.000108. Theo đó :

- Con dấu và tên gọi từ thời điểm 01/01/2008 của Công ty Thủy điện Thác Mơ là “Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ”;
- Vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng 559.415.000.000 đồng, chiếm 80% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng 140.585.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để thực hiện bàn giao số liệu từ Công ty Thủy điện Thác Mơ sang Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Điều chỉnh giảm Khấu hao năm trước vào Báo cáo tài chính năm nay

Như đã nêu tại phần Thuyết minh số IV.6: Theo Công văn số 4676/CV-EVN-TCKT ngày 04/09/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “Trích khấu hao TSCĐ của các đơn vị khi ra cổ phần”, Công ty Thủy điện Thác Mơ đã tiến hành điều chỉnh giảm khấu hao cho giai đoạn từ 01/10/2006 đến 31/12/2006 với giá trị 17.561.933.939 đồng. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giảm khấu hao tài sản cố định của Công ty được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm nay chứ không hồi tố đối với các số liệu so sánh năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

2. Thông tin với các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND
Doanh thu với các bên liên quan	157.400.834.327
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	153.339.729.505
BQLDA Thuỷ điện Thác Mơ mở rộng (EVN)	2.036.798.356
BQLDA Nhà máy Thuỷ điện Srokphumiêng	2.024.306.466
Chi phí với các bên liên quan	613.537.764
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	512.113.764
Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực	101.424.000

2.2 Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm (VND)	
	Dư nợ	Dư có
Các khoản phải thu nội bộ	146.633.671.653	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	146.633.671.653	
Các khoản phải thu khách hàng	1.082.210.523	-
BQLDA Thuỷ điện Thác Mơ mở rộng (EVN)	1.082.210.523	
Các khoản phải trả người bán	-	240.313.836
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia		212.422.236
Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực		27.891.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

3. Một số thông tin đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,36% 14,64%	91,93% 8,07%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	1,50% 98,50%	0,69% 99,31%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,97 66,64	4,36 144,11
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	2,01% 18,62% 2,03%	0,29% 2,35% 0,36%

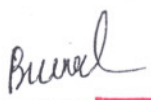
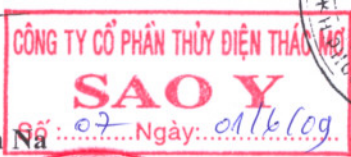
4. Số liệu so sánh

Số liệu năm trước là số liệu đã được kiểm toán. Một số số liệu năm trước đã được phân loại lại nhằm mục đích so sánh với số liệu năm nay.

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Giám đốc



Bùi Thị Kim Nga Số: 07 Ngày: 01/6/09



Lê Tuấn Hải


CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Sỹ Thường